

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

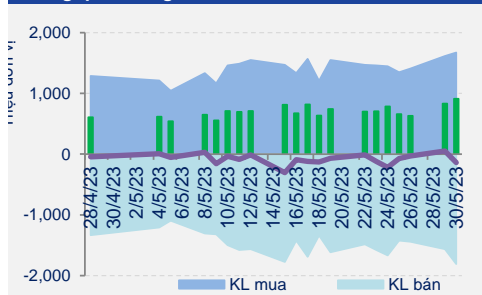
30/5/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

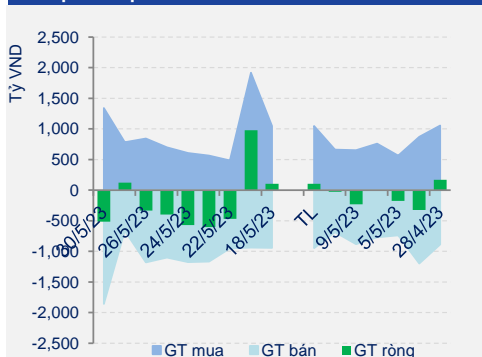
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,078.05	221.33
% Thay đổi	↑ 0.29%	↑ 0.46%
KLGD (CP)	910,277,807	137,256,149
GTGD (tỷ đồng)	16,418.84	2,087.27
Tổng cung (CP)	1,809,510,493	182,492,400
Tổng cầu (CP)	1,672,939,739	158,789,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	73,345,650	1,286,862
KL mua (CP)	34,033,900	1,000,920
GT mua (tỷ đồng)	1,341.69	22.39
GT bán (tỷ đồng)	1,858.23	34.08
GT ròng (tỷ đồng)	(516.54)	(11.69)

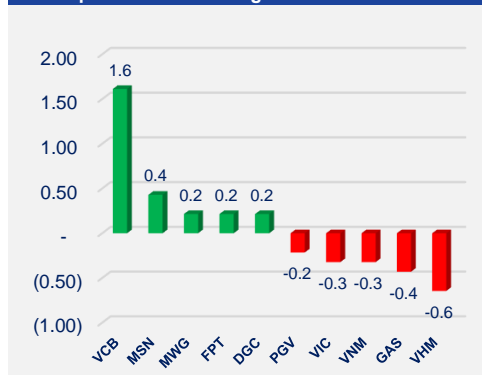
### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục có phiên giao dịch tích cực với diễn biến rung lắc nhẹ kiểm tra lại vùng giá 1.070 điểm, kết phiên VN-INDEX tăng 3.07 điểm (0,29%) lên mức 1078,05 điểm, tiến sát đường giá trung bình MA200 đang ở mức quanh 1.079 điểm hiện nay. HNX-INDEX tăng 1,02 điểm (0,46%) lên mức 221,33 điểm. Thanh khoản tiếp tục gia tăng, độ rộng trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 326 mã tăng điểm (39 mã tăng trần), 224 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 130 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 18.502 tỷ đồng, tăng khá mạnh (+18,14%) so với phiên trước và vượt mức trung bình thể hiện dòng tiền vẫn luân chuyển và gia tăng qua nhiều nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trở lại trong phiên hôm nay với giá trị 516,54 tỷ đồng trên HOSE trong đó giao dịch bán thỏa thuận trên 735 tỷ đồng tại mã EIB. Khối này cũng chuyển sang bán ròng trên HNX với giá trị 11,69 tỷ đồng.

Thị trường giao dịch sôi động với thanh khoản gia tăng mạnh ngay từ đầu phiên sáng với nhiều mã, nhóm mã sau thời gian tích lũy, tăng giá tích cực với thanh khoản cải thiện mạnh, vượt vùng giá đỉnh gần nhất như nhóm bán lẻ với DGW (+4,55%), PET (+3,57%), FRT (+2,69%),... phân bón DDV (+4,12%), DCM (+2,53%), DPM (+2,07%)... hay nhóm cảng biển, logistics như DXP (+9,40%), VSC (+3,93%), DVP (+1,57%), HAH (+1,13%).

Nhóm cổ phiếu đầu tư công; xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến tích cực với nhiều mã tiếp tục vượt đỉnh cũ với thanh khoản đột biến như FCN (+6,99%), BCC (+6,40%), HT1 (+4,11%), HHV (+3,11%), C4G (+1,47%)...

Nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán duy trì tăng giá tích cực khi thanh khoản thị trường gia tăng, nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ, thanh khoản gia tăng với BSI (+6,77%), VND (+2,05%), CTS (+1,57%), MBS (+0,54%)...

Các cổ phiếu bất động sản đa phần cũng có diễn biến tích cực đột biến thanh khoản ở các mã chưa phục hồi nhiều như PDR (+5,84%), NVL (+2,30%) và các mã tiếp tục đà tăng mạnh như QCG (+6,88%), LGL (+6,85%), TDH (+6,84%), NHA (+4,88%), HDG (+4,29%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng phân hóa với ABB (+3,68%), VAB (+2,67%), VCB (+1,50%), EIB (+0,99%), trong khi các mã giảm điểm là PGB (-3,57%), NAB (-0,84%), TPB (-0,82%)...

Trong khi đó các mã trong nhóm khu công nghiệp, cao su nhiều mã vẫn tăng giá tốt như DTD (+9,62%), SIP (+7,32%), VGC (+1,74%)... bên cạnh các mã chịu áp lực điều chỉnh như KBC (-1,07%), PHR (-0,43%), IDC (-0,24%). Nhóm mã thủy sản đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với thanh khoản trên trung bình sau phiên tăng điểm như CMX (-1,28%), ANV (-1,06%), IDI (-0,41%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 tăng 0,2 điểm (0,02%), mức chênh lệch gia tăng lên -3,62 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ phiên thứ hai liên tiếp và đang cải thiện xu hướng ngắn hạn để có thể kỳ vọng chuyển sang tăng trưởng ngắn hạn trên vùng hỗ trợ quanh 1060 điểm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2307, VN30F2309, VN30F2312 gia tăng chênh lệch thu hẹp lên -7,42 điểm đến -10,82 điểm.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục duy trì xu hướng tích cực sau phiên bùng nổ đầu tuần, phiên hôm nay dưới áp lực chốt lãi ngắn hạn VN-Index gần như giao dịch trong trạng thái giảm điểm nhẹ trong toàn phiên nhưng lực cầu mạnh dần về cuối phiên giúp chỉ số tiếp tục đóng cửa tăng điểm nhẹ và cho thấy sức mạnh của đợt hồi phục đang diễn ra là rất tốt, đúng như nhận định của chúng tôi trong thời gian qua. Việc thị trường bùng nổ trên nền tảng tích lũy tin cậy giúp xu hướng hồi phục của VnIndex hướng tới khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục duy trì vận động tích cực sau khi bùng nổ vượt nền tảng tích lũy nhỏ. Lực cầu mạnh dần về cuối phiên giúp VN-Index đóng cửa cao nhất phiên và tăng 3,07 điểm (+0,29%), dù mức tăng điểm nhẹ nhưng cho thấy sức mạnh khá tốt. Việc thị trường bùng nổ sau giai đoạn tích lũy ngắn 2 tuần qua đã được chúng tôi dự báo và liên tục đề cập trong các bản tin vừa qua và với đà tăng hiện tại VN-Index đang hướng tới mục tiêu 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Xu hướng trung dài hạn của VN-Index vẫn đang duy trì ở mức tích cực khi chỉ số đang vận động trong khu vực tích lũy rộng 1.050 điểm - 1.150 điểm. Mặc dù tình hình vĩ mô vẫn còn những yếu tố tích cực cũng như rủi ro đan xen nhưng với đặc trưng là thị trường của sự kỳ vọng, việc thị trường chứng khoán có những phản ứng sớm hơn thực tế có thể diễn ra. Trong trường hợp vượt qua vùng 1.150 điểm, thị trường có thể hình thành Uptrend trung hạn, nếu thất bại ngưỡng hỗ trợ của VN-Index sẽ xoay quanh khu vực 1.000 điểm - 1.050 điểm.

Với nhận định thị trường như trên, nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể tiếp tục tận dụng các phiên điều chỉnh để giải ngân đối với các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực. Nhà đầu tư trung và dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ, trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các giai đoạn điều chỉnh. Mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/5/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
KBC	27.85	25-26.5	31-32	22	10.6	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	24.05	22.5-23.8	26.5-27.5	21	511.7	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	18.40	15.3-16.3	20.5-21	14	22.2	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	40.35	37-38	45-47	33	3.9	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	27.25	25-26.6	30-31	23	18.0	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	31.90	27.4	34-36	30	16.42%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.60	18	24-26	22	31.11%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	44.60	40	50-52	43.5	11.50%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	30.60	25.1	33-34	29	21.91%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	13.20	9.08	13.5-14.2	11.8	45.37%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	21.30	20.45	26-27	20	4.16%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	11.70	11	14.5-15.5	10.8	6.36%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.15	12.75	18-18.5	12.5	3.14%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	56.50	54.8	65-67	54	3.10%	Nắm giữ



## TIN DOANH NGHIỆP

### IMF đánh giá khả năng trả nợ của doanh nghiệp Việt Nam

Theo IMF, tính đến tháng 6/2022, có 18,32% doanh nghiệp Việt Nam có hệ số khả năng thanh toán lãi vay (ICR) dưới 1, mức báo hiệu nguy cơ vỡ nợ; 18,32% doanh nghiệp có ICR ở mức từ 1-4, nhóm dễ bị vỡ nợ khi chi phí vay tăng cao và 63,36% doanh nghiệp có ICR bằng 4, nhóm được đánh giá là có khả năng trả nợ tốt

### Hàn Quốc: IMF báo động về khả năng vỡ nợ của các doanh nghiệp

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 29/5 công bố số liệu trên trang chủ cho biết Hàn Quốc có tỷ lệ thanh toán lãi vay dưới 1 lên tới 31,1% cùng với Ấn Độ, Thái Lan đứng hàng thứ 2 với 28,03%, Trung Quốc với 25,8%, Indonesia với 22,7%. Đây là nhóm nước có tỷ lệ doanh nghiệp ghi nhận tỷ lệ thanh toán lãi vay dưới 1 đạt trên mức 20%. IMF cho biết nợ của Chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng ở các nước châu Á đã vượt xa mức trước khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

### Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa ban hành văn bản đề nghị các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện một số nội dung nhằm tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời, đề nghị các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán triển khai có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số Quốc gia, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử.

### Tháng 6/2023 sẽ bàn giao 80% mặt bằng để khởi công dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội vừa có báo cáo về tình hình triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cho đến nay, dự án đã phê duyệt và thu hồi đất được 537,270/798,043 ha, đạt 67,32%. Tổng số tiền đã phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội là 4286,00 tỷ đồng.

### EVN lại muốn tăng giá điện lần hai

Trong báo cáo trình Chính phủ, EVN kiến nghị được tiếp tục tăng giá điện vào tháng 9/2023 vì cho rằng mức tăng giá điện 3% từ đầu tháng 5/2023 chưa cân đối được chi phí

## TIN VĨ MÔ

**VNG báo lỗ thêm 220 tỷ sau kiểm toán, thành công ty lỗ lớn thứ 4 trên sàn chứng khoán**

Theo báo cáo tự lập năm 2022, CTCP VNG (mã: VNZ) ghi nhận doanh thu đạt 7.801 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước; lỗ sau thuế kỷ lục 1.315 tỷ đồng trong khi năm 2021 lỗ 71 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2022 của VNZ giảm thêm 219 tỷ đồng, tương ứng, mức lỗ sau thuế năm ngoái của kỳ lân công nghệ này là 1.534 tỷ đồng. Theo giải trình, khoản lỗ sau thuế tăng lên là do VNZ ghi nhận thêm các khoản chi phí liên quan đến thuế, tài sản cố định vô hình và dự phòng cho các hoạt động đầu tư tài chính.

**Petrovietnam (PVN) khai thác được 4,41 triệu tấn dầu thô trong 5 tháng đầu, đạt 47,5% kế hoạch năm**

Theo thông tin từ Petrovietnam, khai thác dầu thô tháng 5/2023 đạt 0,92 triệu tấn, vượt 15,6% kế hoạch tháng, tăng 2,6% so với thực hiện tháng 4/2023 và bằng mức thực hiện cùng kỳ 2022. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, khai thác dầu thô toàn tập đoàn ước đạt 4,41 triệu tấn, vượt 13,7% kế hoạch và bằng 47,5% kế hoạch năm.

**Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR): Năm 2023, lợi nhuận dự kiến giảm 10,3%, về 4.264 tỷ đồng**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trong năm 2023, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đặt kế hoạch tổng doanh thu 27.527 tỷ đồng, giảm 2,8% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế dự kiến 4.264 tỷ đồng, giảm 10,3% so với thực hiện trong năm 2022.

**Vinaconex (VCG) quyết định chuyển nhượng 46% cổ phần tại Vinaconsult (VCT)**

Ngày 29/5, HĐQT Tổng công ty cổ phần Vinaconex (HOSE: VCG) đã có quyết định triển khai thực hiện tái cấu trúc phần vốn của công ty tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex (UPCoM: VCT). Theo đó, HĐQT VCG phê duyệt quyết định triển khai thực hiện chuyển nhượng cổ phần của Tổng công ty tại VCT. Số lượng cổ phần bán là 506.000 cổ phần, tương ứng 46% vốn điều lệ của VCT Hình thức chào bán là bán trực tiếp cho các nhà đầu tư. Thời gian VCG đăng ký bán số cổ phần trên từ 2/6-30/6.

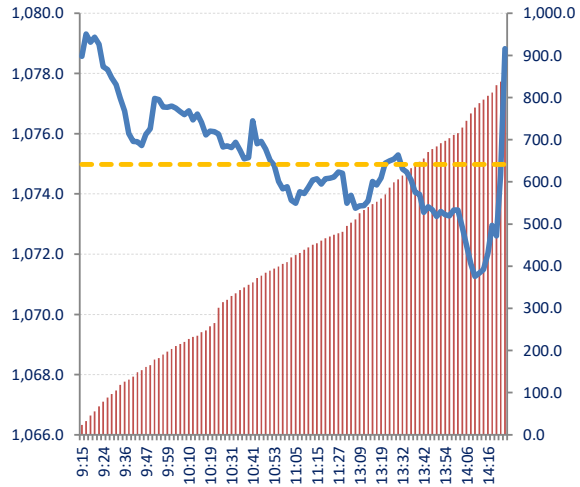
**FECON (FCN) trúng thầu gần 800 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm**

Trong tháng 5/2023, Công ty cổ phần FECON (mã FCN - sàn HOSE ) thông báo trúng các gói thầu với tổng giá trị gần 300 tỷ đồng và gần 800 tỷ đồng từ đầu năm. Tiêu biểu nhất là gói thầu thi công hạng mục "Cửa nhận nước làm mát và nhà bơm" thuộc Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 trị giá 192 tỷ đồng. Ngoài ra, FECON cũng ghi nhận nhiều gói thầu phụ khác tại nhiều dự án tiêu biểu trên cả nước như Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2, Dự án Vinhomes Gardenia (Hà Nội)...

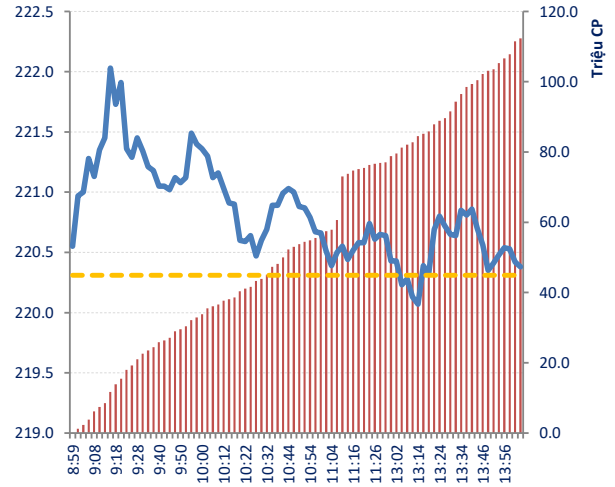


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

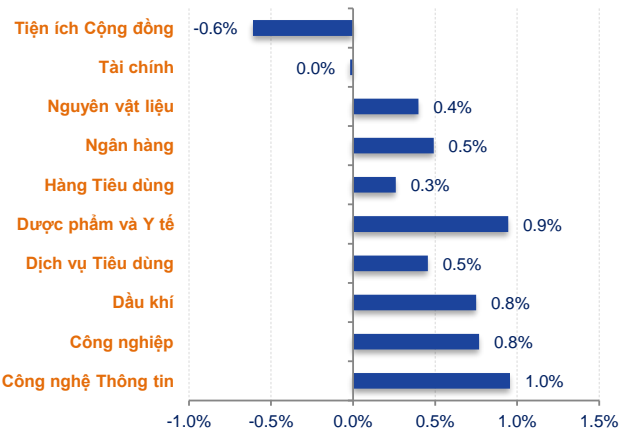
#### KLGD và VN-Index trong phiên



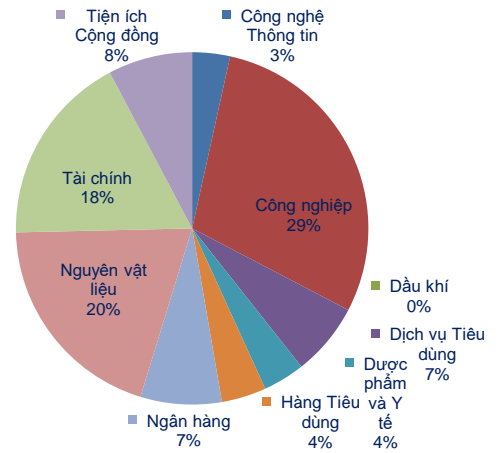
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



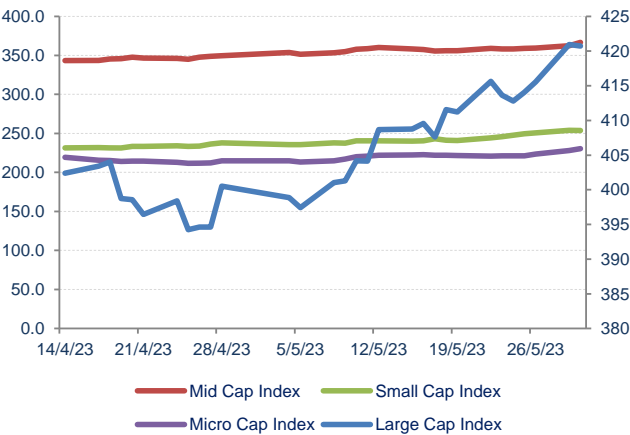
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



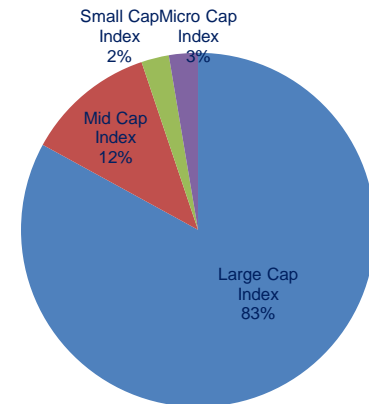
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FPT	3,520,100	EIB	34,391,950
2	VIC	1,899,600	NVL	3,363,700
3	GEX	677,000	FUEVFNVD	1,650,000
4	POW	634,800	NKG	1,466,000
5	DGW	521,500	HPG	1,048,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	311,680	PVS	403,300
2	MBS	254,300	IDC	202,300
3	MBG	48,800	BVS	103,800
4	PLC	40,020	TVD	73,900
5	NDN	14,800	NVB	48,500

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	20.25	20.45	↑ 0.99%	42,152,050
VND	17.05	17.40	↑ 2.05%	40,638,900
DXG	14.60	14.95	↑ 2.40%	30,195,200
NVL	13.05	13.35	↑ 2.30%	28,167,200
DIG	20.90	20.95	↑ 0.24%	27,691,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	11.80	11.80	→ 0.00%	32,539,674
CEO	26.40	27.20	↑ 3.03%	13,184,262
PVS	29.90	30.60	↑ 2.34%	8,351,382
SVN	3.50	3.50	→ 0.00%	5,042,700
IDJ	15.00	14.90	↓ -0.67%	4,372,485

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVG	6.15	6.58	0.43	↑ 6.99%
FCN	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
VRC	9.16	9.80	0.64	↑ 6.99%
KHP	9.18	9.82	0.64	↑ 6.97%
SVC	34.55	36.95	2.40	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC7	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
NTH	53.10	58.40	5.30	↑ 9.98%
NHC	28.10	30.90	2.80	↑ 9.96%
HCC	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
DAD	20.20	22.20	2.00	↑ 9.90%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LDG	4.72	4.39	-0.33	↓ -6.99%
LEC	6.30	5.86	-0.44	↓ -6.98%
TNC	59.20	55.10	-4.10	↓ -6.93%
HHP	12.05	11.25	-0.80	↓ -6.64%
MDG	12.95	12.20	-0.75	↓ -5.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTP	38.30	34.50	-3.80	↓ -9.92%
SIC	39.60	35.70	-3.90	↓ -9.85%
TMX	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
THS	12.20	11.10	-1.10	↓ -9.02%
BAX	54.50	50.00	-4.50	↓ -8.26%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	42,152,050	14.8%	2,030	10.0	1.4
VND	40,638,900	4.1%	487	35.0	1.4
DXG	30,195,200	-1.5%	(355)	-	0.6
NVL	28,167,200	1.8%	414	31.5	0.6
DIG	27,691,400	2.2%	276	75.8	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	32,539,674	2.1%	224	52.6	1.0
CEO	13,184,262	7.5%	1,057	25.0	1.8
PVS	8,351,382	5.6%	1,498	20.0	1.1
SVN	5,042,700	0.4%	43	80.9	0.3
IDJ	4,372,485	8.0%	901	16.7	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	↑ 7.0%	0.9%	113	54.6	0.5
FCN	↑ 7.0%	1.1%	249	57.4	0.6
VRC	↑ 7.0%	1.3%	338	27.1	0.4
KHP	↑ 7.0%	16.5%	1,766	5.2	0.8
SVC	↑ 6.9%	11.9%	4,144	8.3	0.9

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	↑ 10.0%	2.4%	262	49.6	1.2
NTH	↑ 10.0%	39.1%	6,397	8.3	3.1
NHC	↑ 10.0%	3.2%	646	43.5	1.5
HCC	↑ 9.9%	14.1%	1,754	6.3	0.9
DAD	↑ 9.9%	16.8%	3,361	6.0	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	3,520,100	22.2%	5,060	16.4	3.4
VIC	1,899,600	5.1%	1,800	29.3	1.5
GEX	677,000	0.1%	23	681.5	0.6
POW	634,800	5.2%	729	18.7	0.9
DGW	521,500	23.9%	3,368	10.1	2.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	311,680	7.5%	1,057	25.0	1.8
MBS	254,300	10.5%	1,241	14.8	1.5
MBG	48,800	6.2%	697	8.6	0.5
PLC	40,020	9.8%	1,558	23.8	2.4
NDN	14,800	-6.3%	(751)	-	0.7

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	440,597	23.2%	6,533	14.3	3.0
VHM	241,667	24.9%	8,269	6.7	1.5
BID	222,069	19.7%	3,972	11.1	2.0
VIC	200,994	5.1%	1,800	29.3	1.5
GAS	179,529	24.1%	7,689	12.2	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,291	5.6%	1,498	20.0	1.1
THD	14,070	4.0%	672	59.8	2.3
IDC	13,827	34.3%	6,675	6.3	2.2
KSF	11,820	4.9%	1,094	36.0	1.7
PVI	11,572	0.5%	170	290.9	1.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.40	-0.4%	(48)	-	0.5
IBC	3.47	-5.6%	(1,044)	-	0.1
NHA	2.77	0.4%	46	449.9	2.0
PDR	2.72	9.7%	1,321	10.4	1.1
ITC	2.51	6.8%	1,561	8.4	0.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

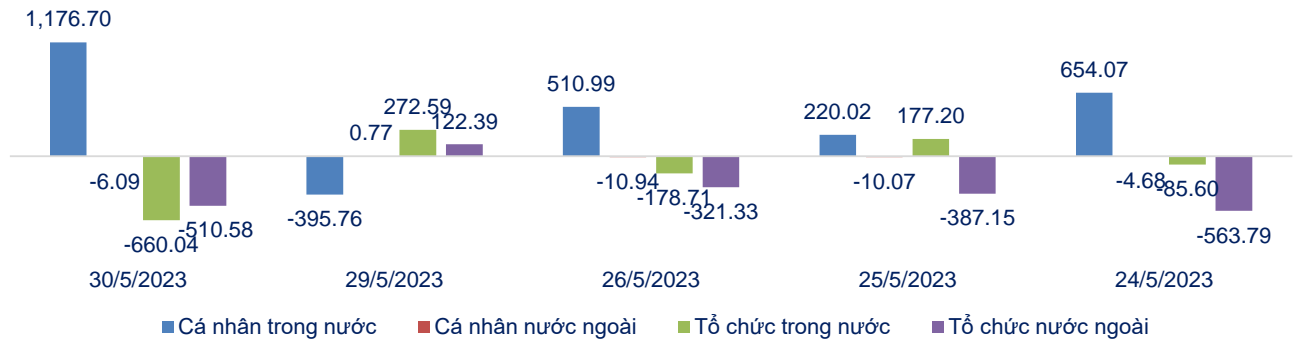
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	3.57	-44.5%	(5,589)	-	1.3
L14	3.36	-10.2%	(1,273)	-	3.4
API	3.10	8.2%	921	16.0	1.2
IDJ	3.07	8.0%	901	16.7	1.3
AAV	2.62	-0.2%	(27)	-	0.5





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	729.60	14.8%	2,030	10.0	1.4
ACB	461.23	25.4%	4,304	5.8	1.4
NVL	63.69	1.8%	414	31.5	0.6
VNM	46.68	23.5%	3,881	17.3	4.1
HPG	45.21	0.7%	114	187.8	1.3

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-121.45	5.1%	1,800	29.3	1.5
FPT	-70.88	22.2%	5,060	16.4	3.4
SSI	-45.08	6.9%	1,035	22.6	1.5
VHM	-36.43	24.9%	8,269	6.7	1.5
MSN	-26.26	5.9%	1,537	46.6	2.7

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	3.13	0.1%	23	681.5	0.6
KBC	1.55	11.2%	2,620	10.7	1.1
VHC	1.54	21.4%	9,001	6.5	1.4
DIG	1.25	2.2%	276	75.8	1.6
HNG	1.15	-140.8%	(3,499)	-	1.5

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPG	-3.74	3.1%	582	27.9	0.9
SSI	-3.19	6.9%	1,035	22.6	1.5
DBC	-1.82	-3.8%	(741)	-	1.1
ANV	-1.46	19.3%	4,384	7.5	1.4
VND	-1.23	4.1%	487	35.0	1.4

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	48.24	6.9%	1,035	22.6	1.5
FUEVFVND	38.75	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	24.45	15.9%	3,548	7.9	1.2
VIC	21.34	5.1%	1,800	29.3	1.5
VCI	18.71	7.7%	1,206	29.0	2.2

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-461.23	25.4%	4,304	5.8	1.4
FPT	-241.96	22.2%	5,060	16.4	3.4
MSB	-32.72	17.8%	2,355	5.1	0.9
MWG	-27.82	11.4%	1,828	21.2	2.4
HPG	-22.81	0.7%	114	187.8	1.3

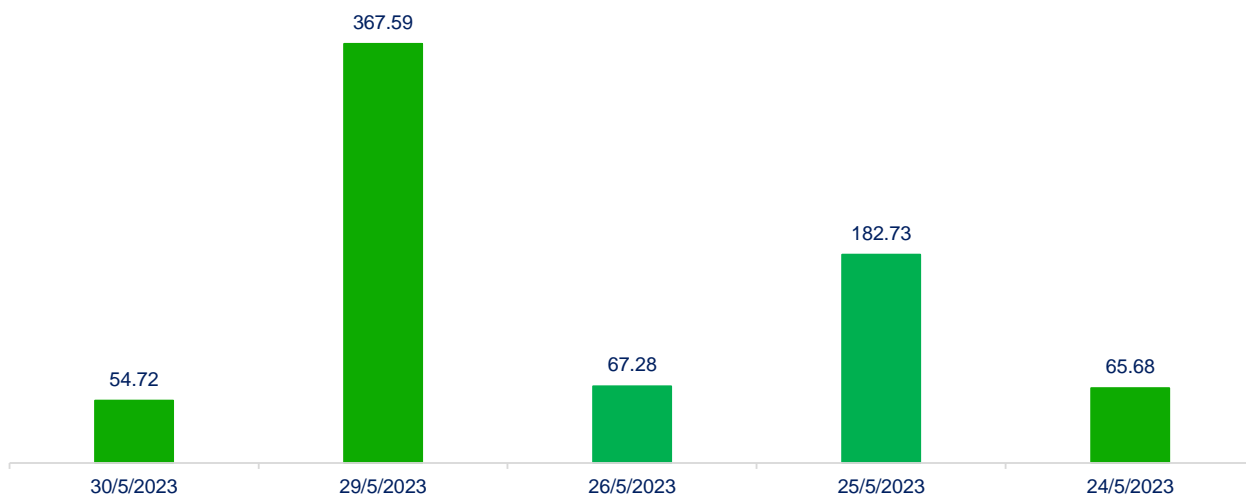
## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	312.84	22.2%	5,060	16.4	3.4
VIC	100.53	5.1%	1,800	29.3	1.5
FRT	22.59	11.2%	1,863	33.9	3.6
DGC	21.37	47.4%	13,357	3.9	1.8
DGW	18.44	23.9%	3,368	10.1	2.2

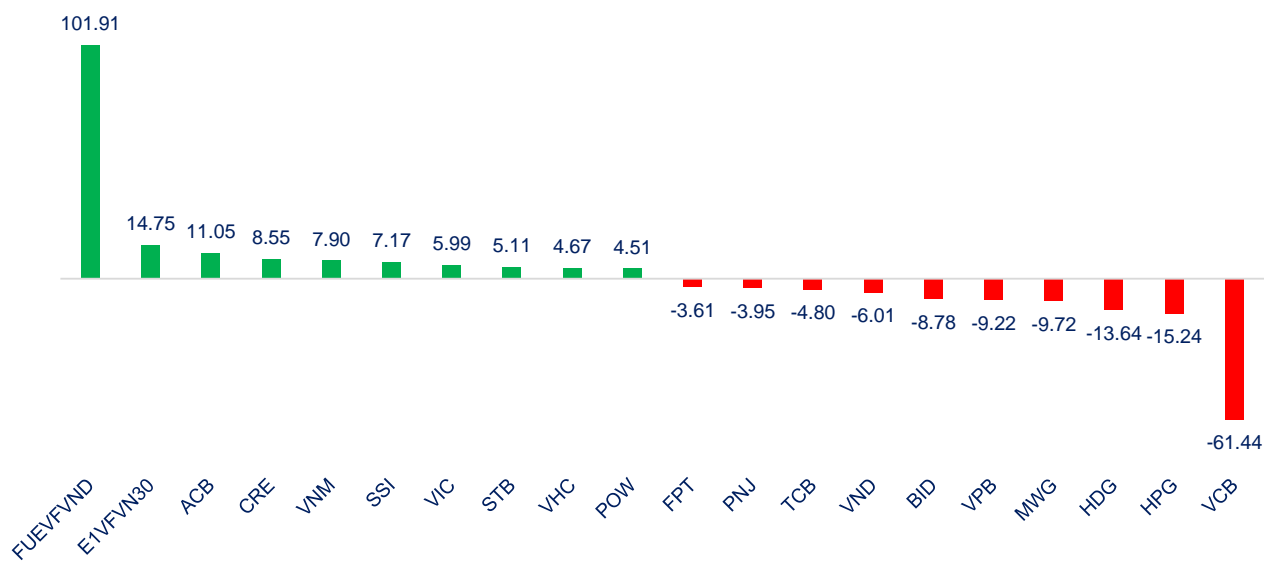
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-732.15	14.8%	2,030	10.0	1.4
VNM	-51.11	23.5%	3,881	17.3	4.1
NVL	-44.77	1.8%	414	31.5	0.6
FUEVFVND	-37.05	N/A	N/A	N/A	N/A
GAS	-22.55	24.1%	7,689	12.2	2.8

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)